TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **77**/2018/HSST
Ngày: 28/11/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Trần Thị Nhã Phương**.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Lê Khắc Dũng**

2/. Bà **Nguyễn Thị Tuyết**

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Hải Lý** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:* Ông **Hồ Xuân Thắng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/TLST-HS, ngày 31/10/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXHS-ST, ngày 12/11/2018 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2018/QĐST-HS ngày 27/11/2018 đối với bị cáo:

Trần Thanh N, sinh năm 1996 tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Trần D, sinh năm 1952 và con bà Tạ Thị H, sinh năm 1956; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện E (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: + Chị Lê Phương T, sinh năm 1984.
Trú tại: Thôn H, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Anh Trần Trung C, sinh năm 1991.
Trú tại: Thôn M, thị trấn A, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn V, sinh năm 1978.
Trú tại: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Anh Lương Duy Đ, sinh năm 1987.
Trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Chu Thị H, sinh năm 1993.
Trú tại: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Đặng N B, sinh năm 1982.
Trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1995.

Trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Đại H, sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2018, Trần Thanh N đi trên xe buýt ở thị xã B thì có gặp và làm quen với chị Lê Phương T (sinh năm 1984, trú tại thôn H, N, K, Đắk Lắk). Vào lúc 11h ngày 17/06/2018 N cùng Chu Thị H (là bạn của N) qua gặp chị T và đón chị T về thị trấn E, huyện E rồi cả ba đi ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong thì H về nhà nghỉ Nhật Lan nghỉ còn T và N đi uống cà phê tại quán Ba Zan, lúc này N nảy sinh ý định lừa đảo chị T để chiếm đoạt tài sản nên N nói với chị T là sẽ ra Móng Cái làm ăn và yêu cầu chị T đưa điện thoại đi cài đặt phần mềm, chị T đồng ý. N đưa chị T về nhà nghỉ Nhật Lan để nghỉ ngơi chị T đưa điện thoại để N đi cài phần mềm. Sau khi lấy được điện thoại N đưa đến tiệm điện thoại U (tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện E) do anh Lương Duy Đ làm chủ, N bán điện thoại được 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán xong điện thoại N đi taxi quay về đón T và H đi nhậu tại quán Vũ ở thị trấn E, trên đường đi thì H thấy N có tiền nên mượn N 1.000.000đ (một triệu đồng). N, T, H đi nhậu đến khoảng 20 giờ thì quay về nhà nghỉ L. Chị T đòi N điện thoại nhưng N nói đã bán rồi, chị T yêu cầu N đi chuộc lại điện thoại không là báo Công an. N điện thoại cho taxi đến chở N, H, T đi ra đến ngã tư đường K và Đ thì H, N, T, H xuống xe, H bỏ đi trước còn N và T đứng lại. Thấy chị T sơ hở N liền bỏ chạy thì bị chị T hô "Cướp…cướp" nên người dân tổ chức đuổi theo và báo Công an thị trấn E vây bắt N giao cho Công an xử lý.

Quá trình điều tra, chị T tố cáo N khi bỏ chạy thì có giật một túi xách của chị T trong đó có số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng) nhưng N không thừa nhận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã tiến hành đấu tranh, đối chất và thu thập các tài liệu liên quan nhưng không đủ cơ sở chứng minh hành vi phạm tội "cướp giật" nên không khởi tố xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐ992 ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện E kết luận: Giá trị một điện thoại di động loại OPPOF7 màu đỏ tại thời điểm ngày 17/6/2018 là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng và một ốp lưng màu xanh có giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Ngoài việc thực hiện hành vi phạm tội nêu trên thì N còn thực hiện một vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại thị trấn A, cụ thể như sau: Trần Thanh N là người chạy xe máy cày chở thuê cho nhà anh Trần Trung C trú tại thôn 14, thị trấn A, huyện E. Khoảng 17 giờ ngày 17/5/2018 N hỏi mượn xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 loại Yamaha, nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc của anh Cường để đi về nhà tắm rửa, anh Cường đồng ý nên N điều khiển xe đi về nhà ở tại thôn 6, xã C, huyện E tắm. Sau khi tắm xong N điều khiển xe quay lại để trả cho Cường, trên đường đi N nảy sinh ý định đưa xe mô tô đi cầm cố lấy tiền nên N điều khiển xe đưa đến tiệm cầm đồ N Vinh tại

thôn 1b, xã C, huyện E cầm cho anh Nguyễn V được 20.000.000đ. Sau khi có tiền N đưa đi trả nợ và bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại bản kết luận định giá số 35 ngày 19/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện E kết luận: Trị giá xe mô tô 47F1 – 289.31 loại Yamaha, hiệu Exciter tại thời điểm 17/5/2018 là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Trần Thanh N: 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, 11 thẻ sim, 01 bóp da màu nâu có chữ "5010", 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), 03 (ba) hình thẻ, trong đó có 01 hình thẻ kích thước 4x6cm, 02 hình thẻ kích thước 2x3cm.

- Thu giữ của anh Lương Duy Đ: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen (đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Phương T).

- Thu giữ của Chu Thị H: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh có sim, 1.000.000đ (một triệu đồng), 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Thị H (pho to).

- Thu giữ của Nguyễn V: 01 xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter màu xanh bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 47F1 – 28931 (đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Trung C); 01 chứng minh nhân dân phô tô mang tên Trần Thanh N và 01 hợp đồng thế chấp (phô tô).

Về trách nhiệm dân sự:

- Qúa trình điều tra, Người bị hại là chị Lê Phương T yêu cầu Trần Thanh N bồi thường số tiền 21.300.000đ (Hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó gồm 19.000.000đ chị T cho rằng bị N cướp giật, 300.000đ N mượn của chị T, 1000.000đ tiền xe đi từ Hà Tĩnh vào Đăk Lăk và ngược lại, 1.000.000đ tiền xe đi lại tham gia tố tụng (tất cả không có tài liệu, chứng cứ chứng minh). Ngày 27/11/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T xin rút yêu cầu bồi thường số tiền 19.000.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho chị T 4.100.000đ, trong đó có 1.400.000đ (07 lần x 200.000đ/01 lần) đi lại khi tham gia vụ án từ lúc điều tra đến khi xét xử, 1.400.000đ tiền công lao động (07 ngày x 200.000đ/01 ngày), 300.000đ bị cáo mượn chị T, 1.000.000đ tiền xe từ Hà Tĩnh vào Đắk Lắk và ngược lại.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Duy Đ yêu cầu bị cáo N bồi thường 3.500.000đ, Ông Nguyễn V yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKS, ngày 31/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Thanh N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Qua phần thẩm vấn công khai và tranh luận tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Ngày 17/5/2018, bị cáo mượn xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 loại Yamaha, nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc trị giá 25.000.000đ của anh Trần Trung C để đi về nhà tắm rửa sau đó đưa đi cầm cố lấy 20.000.000đ tiền tiêu xài. Ngày 17/6/2018, bị cáo tiếp tục lừa đảo chị Lê Phương T chiếm đoạt 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh

đen trị giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo là đúng, không oan sai cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại chị Lê Phương T trình bày: Ngày 17/6/2018, bị cáo N đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của tôi 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen và chiếm đoạt của tôi số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Tôi đã nhận lại 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen. Tại phiên tòa, tôi xin rút yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 19.000.000đ, nếu sau này có chứng cứ chứng minh N cướp giật của tôi thì tôi sẽ tố cáo và yêu cầu bồi thường sau đối với số tiền 19.000.000đ. Tôi tiếp tục yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho tôi tổng số tiền 4.100.000đ, trong đó có 1.400.000đ (07 lần x 200.000đ/01 lần) đi lại khi tham gia vụ án từ lúc điều tra đến khi xét xử, 1.400.000đ tiền công lao động (07 ngày x 200.000đ/01 ngày), 300.000đ bị cáo mượn tôi, 1.000.000đ tiền xe từ Hà Tĩnh vào Đắk Lắk và ngược lại

Quá trình điều tra, bị hại anh Trần Trung C trình bày: Ngày 17/5/2018, bị cáo mượn xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 loại Yamaha, nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc của tôi để đi về nhà tắm rửa, sau đó bị cáo đã đưa xe của tôi đi cầm cố. Hiện nay, tôi đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V trình bày: Ngày 17/5/2018, tôi có nhận cầm đồ 01 xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 loại Yamaha, nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc của bị cáo Trần Thanh N với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Thời điểm cầm đồ, tôi không biết chiếc xe là tài sản do bị cáo N phạm tội mà có. Hiện nay, tôi đã trả lại xe nên tôi yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho tôi số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Duy Đ trình bày: Ngày 17/6/2018, tôi có mua 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen của bị cáo Trần Thanh N với số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm mua, tôi không biết những tài sản trên là tài sản do bị cáo N phạm tội mà có. Hiện nay, tôi đã trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen nên tôi yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho tôi số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E giữ quyền công tố Nhà nước, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác xét xử tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thanh N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 18 (mười tám) đến 20 (hai mươi) tháng tù.

Và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thanh N phải chịu hình phạt chung của hai tội danh.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

- Hoàn trả cho chị Chu Thị H 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Thị H (pho to) để phục vụ điều tra;

- Số tiền 1.000.000đ thu của Chu Thị H là tiền bị cáo phạm tội mà có sau đó cho H mượn và thu giữ số tiền 1.750.000đ của bị cáo N, tổng cộng là 2.750.000đ, tiếp tục tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E để đảm bảo thi hành án.

- Hoàn trả cho bị cáo Trần Thanh N 01 điện thoại di động NOKIA màu đen; Hoàn trả cho bị cáo Trần Thanh N 11 thẻ sim, 01 bóp da màu nâu có chữ "5010", 03 (ba) hình thẻ (trong đó có 01 hình thẻ kích thước 4x6cm, 02 hình thẻ kích thước 2x3cm).

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen cho chị Lê Phương T và Hoàn trả lại 01 xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 loại Yamaha, nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 47F1 – 289.31 cho anh Trần Trung C là những chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân pho to mang tên Trần Thanh N và 01 hợp đồng thế chấp pho to được lưu hồ sơ vụ án

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường cho ông Nguyễn V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường cho ông Lương Duy Đồng số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng),

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 4.100.000đ của chị Lê Phương T gồm 1.400.000đ (07 lần x 200.000đ/01 lần) đi lại khi tham gia vụ án từ lúc điều tra đến khi xét xử, 1.400.000đ tiền công lao động (07 ngày x 200.000đ/01 ngày), 300.000đ bị cáo mượn chị T, 1.000.000đ tiền xe từ Hà Tĩnh vào Đắk Lắk và ngược lại, chị T không có bất cứ chứng từ gì để chứng minh, hơn nữa trong vụ án này những yêu cầu bồi thường của chị T là không phù hợp với quy định của pháp luật, riêng số tiền 300.000đ N mượn của chị T là giao dịch dân sự cá nhân nên không liên quan đến vụ án, do đó không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với chị Chu Thị H, quá trình điều tra xác định chị H không liên quan đến hành vi phạm tội của N nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Lương Duy Đ và ông Nguyễn V khi mua tài sản của N thì không biết đây là tài sản do bị cáo N phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Bị cáo Trần Thanh N không có ý kiến tranh luận gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì thêm

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Trần Thanh N đã tỏ ra thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Trần Thanh N đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:".

Tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;"

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng đối với bản thân bị cáo Trần Thanh N, bên cạnh đó còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật hình sự, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của chị Lê Phương T và anh Trần Trung C là trái pháp luật, gây hoang mang, bất bình trong cộng đồng dân cư xung quanh, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn địa phương.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị. Song, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo về "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần chấp nhận.

[2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội. Riêng đối với tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra, chị T tố cáo N khi bỏ chạy thì có giật một túi xách của chị T trong đó có số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã tiến hành đấu tranh, đối chất và thu thập các tài liệu liên quan để làm rõ nhưng không đủ cơ sở chứng minh hành vi phạm tội "cướp giật" của Trần Thanh N nên không khởi tố xử lý.

[3] Qua các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như đấu tranh xét hỏi tại phiên tòa ngày 27/11/2018, HĐXX đã tạm ngừng phiên Tòa để xác minh Chu Thị H có mặt tại địa phương hay không để tiến hành đối chất làm rõ nội dung tin nhắn, điện thoại giữa H và N để xem xét H có đồng phạm với N hay không nhưng qua xác minh xác định Chu Thị H không có mặt tại địa phương, khi đi H cũng không thông báo nên chính quyền địa phương cũng không biết hiện nay H đang ở đâu nên không tiến hành đối chất được. Kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện E tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, anh Lương Duy Đ và ông Nguyễn V khi mua tài sản của N thì không biết đây là tài sản do bị cáo N phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

[4] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] *Các biện pháp tư pháp:* Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

- Tạm giữ của chị Chu Thị H 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Thị H (pho to) để phục vụ điều tra;

- Tạm giữ của bị cáo Trần Thanh N 01 điện thoại di động NOKIA màu đen để phục vụ điều tra; Hoàn trả cho bị cáo Trần Thanh N 11 thẻ sim, 01 bóp da màu nâu có chữ "5010", 03 (ba) hình thẻ (trong đó có 01 hình thẻ kích thước 4x6cm, 02 hình thẻ kích thước 2x3cm).

- Số tiền 1.000.000đ thu của Chu Thị H là tiền bị cáo phạm tội mà có sau đó cho H mượn và thu giữ số tiền 1.750.000đ của bị cáo N, tổng cộng là 2.750.000đ (Là tiền bán điện thoại mà có) tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen cho chị Lê Phương T và Hoàn trả lại 01 xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 loại Yamaha, nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 47F1 – 289.31 cho anh Trần Trung C là những chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân pho to mang tên Trần Thanh N và 01 hợp đồng thế chấp pho to được lưu hồ sơ vụ án

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường cho ông Nguyễn V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường cho ông Lương Duy Đồng số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng),

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 4.100.000đ của chị Lê Phương T gồm 1.400.000đ (07 lần x 200.000đ/01 lần) đi lại khi tham gia vụ án từ lúc điều tra đến khi xét xử, 1.400.000đ tiền công lao động (07 ngày x 200.000đ/01 ngày), 300.000đ bị cáo mượn chị T, 1.000.000đ tiền xe từ Hà Tĩnh vào Đắk Lắk và ngược lại, chị T không có bất cứ chứng từ gì để chứng minh, hơn nữa trong vụ án này những yêu cầu bồi thường của chị T là không phù hợp với quy định của pháp luật, riêng số tiền 300.000đ N mượn của chị T là giao dịch dân sự cá nhân nên không liên quan đến vụ án, do đó không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị hại chị Lê Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh N phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh N 10 (mười) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải chịu mức hình phạt của cả hai tội là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/6/2018.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

- Tạm giữ của chị Chu Thị H 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Chu Thị H (pho to) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E để phục vụ công tác điều tra;

- Tạm giữ của bị cáo Trần Thanh N 01 điện thoại di động NOKIA màu đen tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E để phục vụ công tác điều tra; Hoàn trả cho bị cáo Trần Thanh N 11 thẻ sim, 01 bóp da màu nâu có chữ "5010", 03 (ba) hình thẻ (trong đó có 01 hình thẻ kích thước 4x6cm, 02 hình thẻ kích thước 2x3cm) theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/11/2018 giữa Công an huyện E và Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

- Tạm giữ số tiền 2.750.000đ là tiền bán điện thoại mà có (trong đó thu của bị cáo N 1.750.000đ và thu của Chu Thị H 1.000.000đ) theo biên lai thu tiền số AA/2010/0007600 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E để đảm bảo thi hành án.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 ốp lưng điện thoại màu xanh đen cho chị Lê Phương T và Hoàn trả lại 01 xe mô tô biển số 47F1 – 289.31 loại Yamaha, nhãn hiệu Exciter màu xanh bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 47F1 – 289.31 cho anh Trần Trung C là những chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân pho to mang tên Trần Thanh N và 01 hợp đồng thế chấp pho to được lưu hồ sơ vụ án

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường cho ông Nguyễn V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải bồi thường cho ông Lương Duy Đ số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Bác toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) của bị hại chị Lê Phương T.

Kiến nghị: Kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện E tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi của chị Chu Thị H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Thanh N phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.175.000đ (*Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Lê Phương T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhã Phương

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện E
- Chi cục THADS huyện E
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, VP.